

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/KDTM-ST

Ngày: 30-7-2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Lê Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Ngâm và bà Phan Thị Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Đức Duy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2024/TLST-KDTM ngày 26 tháng 11 năm 2024, về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-KDTM, ngày 13/6/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-KDTM, ngày 08/7/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H (viết tắt: H1); Địa chỉ: B Bis N, phường B, Quận A, TP . (nay là phường S, TP).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phan Tài P, sinh năm: 1995 – Chuyên viên quan hệ khách hàng cá nhân, Địa điểm kinh doanh – Phòng G; Địa chỉ: H T, Khu phố D, thị trấn H, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là xã S, tỉnh Đắk Lắk). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phan Minh H, sinh năm: 1996; Địa chỉ: khu phố B, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường P, tỉnh Đắk Lắk) và bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1996; Địa chỉ: 4 C, Phường G, thành phố T, tỉnh Phú Yên (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố H đã cho bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Phan Minh H vay tiền theo các hợp đồng như sau:

1/ Hợp đồng tín dụng hạn mức số 20365/22MB/HĐTD ngày 15/07/2022, Lãi suất vay: theo từng khế ước nhận nợ và thay đổi theo từng thời kỳ; Mục đích vay: theo từng khế ước nhận nợ. Ngày 12/07/2023, hai bên ký Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 20365/22MB/HĐTD /KUNN02, theo đó bị đơn vay số tiền 1.100.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 13/7/2023 đến ngày 12/7/2024; lãi suất vay trong hạn 12%/năm; mục đích vay: để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh mua bán hải sản các loại.

2/ Thẻ tín dụng hạn mức Nguyễn Thị Thanh T: 50.000.000 đồng.

3/ Thẻ tín dụng hạn mức Phan Minh H: 50.000.000 đồng.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng nêu trên là: quyền sử dụng đất tại thửa đất số 172, tờ bản đồ số 15 (đo đạc năm 2012), địa chỉ tại Điểm dân cư A - phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 742997, số vào sổ cấp GCN: CH 03677 do UBND Thị xã S cấp ngày 04/03/2022; cập nhật chuyển nhượng ngày 08/07/2022 cho bà Nguyễn Thị Thanh T, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 20365/22MB/HĐBĐ ngày 15/7/2022, được công chứng tại Văn phòng C và đã được đăng ký thế chấp đúng quy định tại Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã S ngày 18/7/2022.

Đến thời hạn trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nợ nhưng bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Phan Minh H vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng dẫn đến vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng.

Tính đến ngày 28/5/2025, bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Phan Minh H còn nợ Ngân hàng số tiền theo các hợp đồng tổng cộng là 1.399.648.406 đồng; Trong đó: Hợp đồng tín dụng là 1.299.483.425 đồng, trong đó: Nợ gốc 1.097.552.341 đồng; lãi trong hạn: 11.788.717 đồng; Lãi quá hạn: 190.142.367 đồng. Thẻ tín dụng Nguyễn Thị Thanh T là: 51.324.981 đồng; Trong đó: Nợ gốc thẻ tín dụng: 38.104.864 đồng; Lãi và phí: 13.220.117 đồng. Thẻ tín dụng hạn mức Phan Minh H là 48.840.000 đồng; Trong đó: Nợ gốc thẻ tín dụng: 48.501.818; Lãi và phí: 337.330 đồng.

Nhận thấy, bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Phan Minh H đã vi phạm thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký với H1, nên H1 khởi kiện đề nghị Tòa giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Phan Minh H phải thanh toán ngay một lần toàn bộ nợ gốc và lãi cho H1 theo hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 28/5/2025 với tổng số tiền là: 1.399.648.406 đồng; Trong đó: Hợp đồng tín dụng là 1.299.483.425 đồng, trong đó: Nợ gốc 1.097.552.341 đồng; lãi trong hạn: 11.788.717 đồng; Lãi quá hạn: 190.142.367 đồng. Thẻ tín dụng

Nguyễn Thị Thanh T là: 51.324.981 đồng; Trong đó: Nợ gốc thẻ tín dụng: 38.104.864 đồng; Lãi và phí: 13.220.117 đồng. Thẻ tín dụng hạn mức Phan Minh H là 48.840.000 đồng; Trong đó: Nợ gốc thẻ tín dụng: 48.501.818; Lãi và phí: 337.330 đồng. Bà T, ông H phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Phan Minh H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho H1, thì H1 được quyền yêu cầu phát mãi tài sản đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 20365/22MB/HĐBĐ ngày 15/7/2022, để thu hồi nợ.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Phan Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt, không có trình bày.*

Tòa án nhân dân khu vực 11 – Đắk Lắk đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 20365/22MB/HĐTD ngày 15/07/2022 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 20365/22MB/HĐTD/KUNN02 ngày 12/07/2023, tính đến ngày 30/7/2025 tổng cộng là 1.336.911.967 đồng; trong đó: nợ gốc là 1.097.552.341 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.788.717 đồng, lãi quá hạn là 227.570.909 đồng và yêu cầu tính lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật. Trường hợp bị đơn không trả được nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 172, tờ bản đồ số 15 (đo đạc năm 2012), địa chỉ: Điểm dân cư A - phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 742997, số vào sổ cấp GCN: CH 03677 do UBND thị xã S cấp ngày 04/03/2022, cập nhật chuyển nhượng ngày 08/07/2022 cho bà Nguyễn Thị Thanh T, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 20365/22MB/HĐBĐ ngày 15/7/2022. Đối với 02 Thẻ tín dụng hạn mức của bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Phan Minh H được mở theo Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm-dịch vụ ngày 18/3/2024, nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản vay theo 02 Thẻ tín dụng này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 11 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn đã cung cấp bổ sung các hợp đồng tín dụng và tài liệu kèm theo là bản sao có

công chứng, chứng thực hợp pháp. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 91, 95, 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết tính đến ngày 30/7/2025 là 1.097.552.341 đồng và lãi suất phát sinh theo quy định pháp luật. Trường hợp bị đơn không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 172, tờ bản đồ số 15 (đo đạc năm 2012), địa chỉ: Điểm dân cư A - phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là phường X, tỉnh Đắk Lắk), đã được UBND thị xã S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 742997 ngày 04/03/2022, số vào sổ cấp GCN: CH 03677, cấp nhật chuyển nhượng ngày 08/07/2022 cho bà Nguyễn Thị Thanh T, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 20365/22MB/HĐBĐ ngày 15/7/2022. Đối với khoản vay tín dụng hạn mức của bà Nguyễn Thị Thanh T và ông Phan Minh H được mở theo Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm-dịch vụ ngày 18/3/2024, nguyên đơn rút yêu cầu nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử sơ thẩm một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Đối với khoản vay theo 02 Thẻ tín dụng hạn mức của ông Phan Minh H và bà Nguyễn Thị Thanh T được mở theo Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm-dịch vụ ngày 18/3/2024: Tại Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 30/7/2025, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H rút một phần yêu cầu khởi kiện này. Xét thấy, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên chấp nhận; đình chỉ xét xử sơ thẩm một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn, thấy: Ngày 15/07/2022, giữa H1 và bị đơn ông Phan Minh H, bà Nguyễn Thị Thanh T ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 20365/22MB/HĐTD, theo đó H1 đồng ý cấp cho bị đơn hạn mức tín dụng 1.100.000.000 đồng; thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng; lãi suất trong hạn được quy định cụ thể theo từng khế ước nhận nợ và thay đổi theo từng thời kỳ; lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Ngày 12/07/2023, hai bên ký Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 20365/22MB/HĐTD /KUNN02, theo đó bị đơn vay của nguyên đơn số tiền

1.100.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng, từ ngày 13/7/2023 đến ngày 12/7/2024; lãi suất vay trong hạn 12%/năm; mục đích vay: để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh mua bán hải sản các loại. Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn đảm bảo hình thức và nội dung đúng quy định pháp luật, thể hiện được ý chí tự nguyện thỏa thuận của các bên nên hợp đồng đã ký kết phát sinh hiệu lực, buộc các bên phải thực hiện.

[4] Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi khi đến hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là có căn cứ nên chấp nhận. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/7/2025), bị đơn còn nợ số tiền tổng cộng là 1.336.911.967 đồng; trong đó: nợ gốc là 1.097.552.341 đồng, nợ lãi trong hạn là 11.788.717 đồng, lãi quá hạn là 227.570.909 đồng. Bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn nợ trên và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[5] Xét yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm, thấy: Khoản vay của bị đơn tại H1 được bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 20365/22MB/HĐBĐ ngày 15/7/2022. Việc thế chấp được lập thành văn bản có công chứng tại Văn phòng C ngày 15/7/2022 và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã S ngày 18/7/2022 theo đúng quy định tại các Điều 298, 317, 318, 319 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 3 Điều 167 của Luật đất đai năm 2013 nên hợp đồng thế chấp đã ký kết giữa các bên phát sinh hiệu lực, buộc các bên phải thi hành. Do đó, nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 172, tờ bản đồ số 15 (đo đạc năm 2012), địa chỉ: Điểm dân cư A - phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là phường S, tỉnh Đắk Lắk), đã được UBND thị xã S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 742997, ngày 04/03/2022, số vào sổ cấp GCN: CH 03677; cập nhật chuyển nhượng ngày 08/07/2022 cho bà Nguyễn Thị Thanh T, để thu hồi nợ theo như hợp đồng thế chấp đã ký kết trong trường hợp bị đơn không trả được nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 299, khoản 7 Điều 323 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên chấp nhận.

[6] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn phải chịu 3.000.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn phải hoàn lại cho nguyên đơn 3.000.000 đồng.

[7] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 227, 228, 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 4 của Luật Thương mại năm 2005;

Áp dụng các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng các Điều 298, 299, 317, 318, 323, 463 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 167 của Luật đất đai năm 2013;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố H đối với khoản vay theo 02 Thẻ tín dụng hạn mức của ông Phan Minh H và bà Nguyễn Thị Thanh T được mở theo Đề nghị kiêm hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán/sản phẩm-dịch vụ ngày 18/3/2024.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố H. Buộc bị đơn ông Phan Minh H và bà Nguyễn Thị Thanh T phải có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố H số tiền vay còn nợ tính đến ngày 30/7/2025 (*theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 20365/22MB/HĐTD ngày 15/7/2022 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 20365/22MB/HĐTD/KUNN02, ngày 12/07/2023*) tổng cộng là 1.336.911.967 đồng (*Một tỷ, ba trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm mười một nghìn, chín trăm sáu mươi bảy đồng*); trong đó: nợ gốc là 1.097.552.341 đồng (*Một tỷ, không trăm chín mươi bảy triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi một đồng*), nợ lãi trong hạn là 11.788.717 đồng (*Mười một triệu, bảy trăm tám mươi tám nghìn, bảy trăm mười bảy đồng*), lãi quá hạn là 227.570.909 đồng (*Hai trăm hai mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi nghìn, chín trăm linh chín đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng hạn mức số 20365/22MB/HĐTD ngày 15/7/2022 và Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 20365/22MB/HĐTD /KUNN02, ngày 12/07/2023.

3. Trường hợp bị đơn không trả được nợ hoặc trả không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố H được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 20365/22MB/HĐBĐ ngày 15/7/2022; đối với Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 172, tờ bản đồ số 15 (đo đạc năm 2012), địa chỉ: Điểm dân cư A - phường X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là phường X, tỉnh Đắk Lắk), đã được UBND thị xã S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 742997 ngày 04/03/2022, số vào sổ cấp GCN: CH 03677; cập nhật chuyển nhượng ngày 08/07/2022 cho bà Nguyễn Thị Thanh T.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Căn cứ Điều 157, 158 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Bị đơn ông Phan Minh H và bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn ông Phan Minh H và bà Nguyễn Thị Thanh T phải hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố H số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bị đơn ông Phan Minh H và bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 52.107.000 đồng (*Năm mươi hai triệu, một trăm linh bảy nghìn đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố H số tiền 24.968.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0005645, ngày 22/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Đắc Lắc).

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắc Lắc;
- Viện KSND KV11- Đắc Lắc;
- THADS tỉnh Đắc Lắc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Lê Mai

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Oanh Đào Thị N

Trần Lê M

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- Viện KSND thành phố Tuy Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Lê Mai

